

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo:	KIỂM TOÁN
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kiểm toán
Mã số:	7340302
Loại hình đào tạo:	Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số 685/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn về kiểm toán tại các công ty kiểm toán, các doanh nghiệp và các đơn vị tổ chức khác đáp ứng được yêu cầu công việc. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực kiểm toán chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như có khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, định hướng phát triển nghề nghiệp cũng như tuân thủ đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học và giao tiếp hiệu quả trong các công việc chuyên môn về kiểm toán và các hoạt động nghề nghiệp khác.

PO4: Có năng lực thiết kế, tổ chức vận hành cũng như phân tích, đề xuất cải tiến các hoạt động chuyên môn về kiểm toán tại các công ty kiểm toán, các doanh nghiệp và các đơn vị tổ chức khác đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán có khả năng:

PLO1. Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO2. Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO3. Áp dụng các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, kiểm soát để tổ chức công tác kế toán, kiểm toán cũng như phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán và các hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức.

PLO4. Phân tích dữ liệu về hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát để đưa ra các ý kiến tư vấn về công tác kế toán cũng như hoạt động kiểm soát tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức.

PLO5. Ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán

PLO6. Áp dụng các kiến thức kiểm toán chuyên sâu để thực hiện kiểm toán cho các doanh nghiệp đơn vị, tổ chức cũng như đề xuất các giải pháp tư vấn cho đơn vị được kiểm toán và các bên liên quan

PLO7. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào các hoạt động liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam)

PLO8. Có khả năng làm việc nhóm, phát hiện vấn đề, và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán

PLO9. Có kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo, thuyết trình chuyên môn trong công việc

PLO10. Có khả năng định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp trong lĩnh vực kế toán kiểm toán

PLO11. Tự chủ và có khả năng thích nghi cao trong công việc, đưa ra ý kiến phản biện, ý kiến về chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm với những vấn đề được đưa ra cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình đào tạo cử nhân kiểm toán được xây dựng nhằm đến kết quả là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, công ty kiểm toán và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

- Kiểm toán viên: Có đủ năng lực làm việc tại các công ty kiểm toán, có thể đảm nhận công việc cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán cho các loại hình doanh nghiệp; Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng nhóm kiểm toán, giám đốc kiểm toán.

- Kiểm toán viên nội bộ: Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, các tổ chức khác có thể thực hiện kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ trong nội bộ đơn vị; thực hiện kiểm tra tài chính, đánh giá kiểm soát nội bộ, tư vấn độc lập trong nội bộ đơn vị, đề xuất các biện pháp cải tiến làm tăng giá trị hoạt động của đơn vị. Triển vọng nghề nghiệp là trưởng nhóm kiểm toán nội bộ hoặc trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ trong đơn vị.

- Kiểm toán viên Nhà nước: Có đủ năng lực làm việc tại đơn vị Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp; có thể thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ như kiểm tra việc chấp hành các quy định và văn bản pháp luật, các chính sách do Nhà nước ban hành đối với đối tượng của kiểm toán nhà nước. Triển vọng nghề nghiệp trở thành trưởng nhóm kiểm toán, Kiểm toán viên chính, Kiểm toán viên cao cấp.

- Chuyên viên Kế toán: Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp, trong các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và các tổ chức khác. Có thể đảm nhiệm các vị trí kế toán như: Kế toán phân hành, Kế toán tổng hợp và triển vọng trở thành Kế toán trưởng.

- Giảng viên: Có đủ năng lực để trở thành giảng viên giảng dạy chuyên ngành kế toán kiểm toán tại các học viện, trường cao đẳng, đại học.

- Thanh tra viên trong các cơ quan Nhà nước: Có đủ năng lực để trở thành thanh tra viên trong các cơ quan Nhà nước.

- Tự khởi nghiệp thành lập công ty cung cấp dịch vụ tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán hoặc có thể hành nghề độc lập như một chuyên gia về kế toán kiểm toán, phân tích tài chính hay tư vấn về thuế, về đầu tư... nếu đáp ứng được yêu cầu của quy chế quản lý nghề nghiệp hiện hành.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường, sinh viên tốt nghiệp ngành kiểm toán có nhiều khả năng học tập, nâng cao trình độ cụ thể như sau:

- Có nhiều cơ hội thuận lợi khi học chứng chỉ CPA, CIA, CIM, ACCA, ACA, CFA...để hành nghề kế toán, kiểm toán, làm về lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- Có cơ hội học chuyển tiếp lên trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ngành kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng tại các trường đại học trong nước và quốc tế.



3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

[illegible]

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

* Khối kiến thức giáo dục đại cương:	38 tín chỉ
* Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	98 tín chỉ
+ Phần lý thuyết:	68 tín chỉ
+ Phần thực hành, thực tập, đồ án:	21 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp:	09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghệ.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghệ.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT & PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	X
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	X
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT & PL	2	(21, 18, 60)	X
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT & PL	2	(26, 8, 60)	X
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học – Tin học		6		
001102	1. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36, 18, 90)	X
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36, 18, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48, 24, 120)	X
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48, 24, 120)	X
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48, 24, 120)	X
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48, 24, 120)	X
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	X
002467	2. Kỹ năng nghề nghiệp – Kiểm toán	KTKT	1	(15, 0, 30)	X
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	X
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	X
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	X
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	X
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	X
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	X
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	X
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	X
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	X
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		98		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		20		
	<i>2.1.1. Kiến thức bắt buộc</i>		<i>11</i>		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000568	3. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	4. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	<i>2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)</i>		<i>9</i>		
001153	1. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000666	2. Tài chính doanh nghiệp	TCNH &BH	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002451	3 Tiếng Anh ngành kế toán – kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001601	4. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
001109	5. Tài chính tiền tệ	TCNH &BH	3	(39, 12, 90)	
001421	6. Chiến lược và kế hoạch phát triển trong DNTM	TM	3	(39, 12, 90)	
001390	7. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39, 12, 90)	
001104	8. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		53		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		41		
002444	1. Luật và hệ thống chuẩn mực kế toán – kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000447	2. Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000465	3. Thực hành kế toán tài chính 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
000448	4. Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000479	5. Tin học ứng dụng kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000455	6. Kiểm toán căn bản	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000466	7. Thực hành kế toán tài chính 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
000458	8. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001301	9. Thuế và Kế toán thuế	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001744	10. Thực hành phân tích BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
002446	11. Kiểm toán báo cáo tài chính 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
002460	12. Tiểu luận 1- Ngành Kiểm toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	X
001721	13. Kiểm toán nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001829	14. Kiểm soát nội bộ	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)</i>		12		
001734	1. Hành nghề kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000449	2. Kế toán tài chính 3	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001666	3. Kế toán quản trị	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001340	4. Kế toán máy	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001250	5. Hệ thống thông tin kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000441	6. Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001739	7. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001737	8. Kế toán doanh nghiệp sản xuất	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001727	9. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành		25		
002447	1. Kiểm toán báo cáo tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001723	2. Thực hành kiểm toán BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
001722	3. Kiểm toán hoạt động	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
002461	4. Tiểu luận 2 - Ngành Kiểm toán	KTKT	2	(0, 120, 0)	x
002462	Thực tập cuối khóa ngành Kiểm toán	KTKT	5	(0, 300, 0)	x
002463	Khóa luận tốt nghiệp ngành Kiểm toán	KTKT	9	(0, 540, 0)	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001100	1. Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002464	2. Kiểm soát quản lý	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002465	3. Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách	KTKT	3	(39, 12, 90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè.
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

○ Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

○ Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long